

TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K2, ĐẢNG ỦY KHỐI CÁC CQ&DN TỈNH,
KHÓA HỌC 2023-2025**

Thi phần E.I: Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 08/12/2024; thời gian làm bài: 180 phút; phòng thi số: 01

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Tiến Anh	02/6/1979	03		70	85	Tam, năm
2	Đinh Hoài Bắc	30/10/1978	02		20	75	Bảy, hai năm
3	Ngô Thanh Bình	14/5/1985	02		24	75	Bảy, hai năm
4	Phạm Văn Cảnh	20/6/1984	02		10	70	Bảy
5	Ngô Quang Chính	20/3/1989	02		9	75	Bảy, hai năm
6	Đỗ Văn Chung	12/02/1989	03		42	75	Bảy, hai năm
7	Trương Văn Chương	07/8/1977	02		43	75	Bảy, hai năm
8	Phan Văn Đăng	01/01/1977	03		60	85	Tam, năm
9	Lã Tiến Dũng	01/5/1982	03		39	75	Bảy, hai năm
10	Nguyễn Chí Dũng	27/4/1972	02		33	75	Bảy, năm
11	Hoàng Văn Giới	21/01/1988	03		1	75	Bảy, năm
12	Đặng Thị Thu Hà	10/11/1978	03		31	75	Bảy, hai năm
13	Đường Thị Ngọc Hà	20/9/1990	02		29	75	Bảy, hai năm
14	Dương Thị Hạnh	10/7/1985	03		17	85	Tam, năm
15	Trương Thu Hiền	07/9/1985	03		4	80	Tam
16	Phan Đặng Quang Hiền	20/8/1988	03		23	75	Bảy, năm
17	Phùng Thị Quỳnh Hoa	04/4/1984	03		14	75	Bảy, năm
18	Lê Minh Hoá	10/7/1985	02		15	70	Bảy
19	Vũ Thế Hoàng	11/6/1984	02		67	70	Bảy
20	Đặng Mạnh Hùng	17/5/1986	03		66	80	Tam



SBD	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Trần Quang	Hung	14/11/1986	03	<i>[Signature]</i>	34	75	Đúng 1 năm
22	Nguyễn Lan	Hương	26/8/1986	02	<i>[Signature]</i>	2	725	Đúng 1 học năm
23	Nguyễn Thị	Hường	09/9/1983	03	<i>[Signature]</i>	62	80	Tạm
24	Phùng Quang	Huy	05/4/1986	03	<i>[Signature]</i>	48	725	Đúng hai năm
25	Bùi Thị Thanh	Huyền	17/01/1980	03	<i>[Signature]</i>	51	725	Đúng bảy năm
26	Hoàng Thanh	Huyền	19/3/1990	03	<i>[Signature]</i>	71	75	Đúng 1 năm
27	Phạm Thị Thúy	Huyền	02/01/1978	03	<i>[Signature]</i>	63	80	Tạm
28	Nguyễn Xuân	Khánh	20/11/1980	03	<i>[Signature]</i>	55	80	Tạm
29	Võ Thị Phương	Khánh	08/11/1972	02	<i>[Signature]</i>	22	725	Đúng 1 học năm
30	Nguyễn Phạm Anh	Khoa	31/3/1988	03	<i>[Signature]</i>	35	725	Đúng 1 học năm
31	Phạm Thị Minh	Khuê	20/10/1980	03	<i>[Signature]</i>	12	75	Đúng 1 năm
32	Trương Vĩnh	Lạc	12/6/1979	03	<i>[Signature]</i>	26	80	Tạm
33	Trần Thị	Lan	28/02/1980	03	<i>[Signature]</i>	46	75	Đúng 1 năm
34	Phan Ngọc	Linh	10/5/1971	02	<i>[Signature]</i>	69	85	Tạm 1 năm
35	Nguyễn Tiến	Lợi	13/02/1976	02	<i>[Signature]</i>	13	725	Đúng hai năm
36	Hoàng Văn	Long	04/5/1978	02	<i>[Signature]</i>	27	725	Đúng hai năm
37	Nguyễn Thị	Mai	04/4/1985	03	<i>[Signature]</i>	37	725	Đúng hai năm
38	Vũ Đình	Nam	08/5/1989	03	<i>[Signature]</i>	73	80	Tạm
39	Nguyễn Thị	Nga	01/9/1985	04	<i>[Signature]</i>	50	825	Tạm hai năm
40	Nguyễn Thị Thu	Nga	20/6/1991	03	<i>[Signature]</i>	57	80	Tạm
41	Nguyễn Ngọc Ánh	Nguyệt	30/11/1989	04	<i>[Signature]</i>	54	825	Tạm hai năm
42	Nguyễn Sinh	Nhật	17/9/1984	03	<i>[Signature]</i>	40	725	Đúng hai năm
43	Trần Công	Nhật	10/01/1979	02	<i>[Signature]</i>	52	725	Đúng hai năm
44	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	22/9/1985	03	<i>[Signature]</i>	68	825	Tạm 1 học năm
45	Nguyễn Văn	Ồn	16/10/1973	02	<i>[Signature]</i>	64	85	Tạm 1 năm
46	Huỳnh Thế	Phúc	01/01/1984	03	<i>[Signature]</i>	44	725	Đúng bảy năm

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Nguyễn Đình Sáng	05/5/1986	02		30	70	Đầy
48	Huỳnh Thị Hồng Sinh	16/8/1975	03		32	75	Đầy, đầy, năm
49	Hoàng Ngọc Sơn	13/11/1980	02		6	725	Đầy, hai, năm
50	Huỳnh Sự	10/10/1983	03		18	70	Đầy
51	Nguyễn Ngọc Sương	29/5/1978	02		3	70	Đầy
52	Lê Minh Thái	12/02/1981	03		79	80	Tam
53	Phan Thông Thái	28/9/1972	03		75	85	Tam, năm
54	Bùi Chiến Thắng	08/3/1986	03		47	75	Đầy, năm
55	Trương Lê Thanh	25/7/1986	03		8	725	Đầy, hai, năm
56	Nguyễn Phương Thảo	30/12/1983	03		58	85	Tam, năm
57	Nguyễn Thị Hương Thảo	09/11/1983	04		74	80	Tam
58	Nguyễn Văn Thảo	18/6/1975	03		16	725	Đầy, hai, năm
59	Võ Thị Thu Thảo	27/6/1983	03		77	825	Tam, hai, năm
60	Hoàng Văn Thùy	01/8/1975	03		78	85	Tam, năm
61	Lưu Thị Hồng Thủy	16/9/1986	03		56	825	Tam, hai, năm
62	Trần Thị Thu Thủy	24/5/1980	02		25	75	Đầy, năm
63	Bùi Thị Thanh Thúy	03/02/1987	03		59	825	Tam, hai, năm
64	Phạm Thị Thủy	12/10/1983	03		11	75	Đầy, năm
65	Trần Văn Tiến	25/11/1983	03		76	80	Tam
66	Nguyễn Vũ Tín	07/7/1983	03		65	80	Tam
67	Nguyễn Đình Tịnh	14/01/1978	02		21	725	Đầy, hai, năm
68	Lê Văn Toàn	06/8/1980	03		38	725	Đầy, hai, năm
69	Ngô Minh Toàn	14/6/1985	03		49	80	Tam
70	Kim Văn Toàn	01/6/1983	03		41	725	Đầy, hai, năm
71	Nguyễn Thị Thùy Trâm	03/02/1984	03		61	775	Đầy, đầy, năm
72	Đinh Thị Huyền Trang	25/10/1988	03		53	80	Tam

SBD	Họ và tên	Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
73	Mai Thanh Trúc	03/6/1982	03		45	785	học hay năm
74	Nguyễn Anh Tuấn	27/12/1976	Bảo lưu - Quyết định số 121/QĐ/TCT ngày 21/3/2024				
75	Vũ Thanh Sơn	01/6/1988	02		42	785	học hay năm
76	Nguyễn Thành Vinh	16/6/1982	02		19	785	học hay năm
77	Lê Ngọc Vũ	05/4/1988	02		36	785	học hay năm
78	Vũ Thị Bích	18/10/1989	02		5	75	học hay năm
79	Mai Thị Xoan	17/5/1983	03		28	785	học hay năm
80	Vũ Thị Yến	19/9/1989	03		7	80	Tài

Tổng số học viên theo danh sách:.....79.....học viên;

Số học viên không đủ điều kiện thi:.....0.....học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi:.....79.....học viên;

Số học viên vắng thi:.....0.....học viên (có lý do:...../.....học viên, không có lý do:...../.....học viên);

Số bài thi hiện có.....79.....bài/.....216.....tờ.

CÁN BỘ COI THI SỐ 1

Trình Thị Phú Mỹ

Ngày...16...tháng...12...năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dương
TRƯỞNG KHOA

CÁN BỘ COI THI SỐ 2

Hà Thị Tiến

Ngày...16...tháng...12...năm 2024

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Nguyễn Thị Bích Hà



Nguyễn Thành Dũng

TS. Lê Duyên Hà